

Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Hải Dương trong thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0

Nguyễn Hữu Thịnh

Khoa Công nghệ thông tin - Trường Đại học Hải Dương

Received: 30/10/2024; Accepted: 4/11/2024; Published: 8/11/2024

Abstract: *The era of the Fourth Industrial Revolution brings both opportunities and challenges for Vietnam's economy and education, particularly in the field of higher education. University students need to shift their mindset and actions to adapt to an increasingly dynamic and rapidly evolving environment. To achieve this, students not only need to equip themselves with hard skills (subject-specific expertise) but also essential soft skills.*

Keywords: *Education, skills, students*

1. Đặt vấn đề

Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) là sự kết hợp các công nghệ giúp xóa nhòa ranh giới giữa các lĩnh vực vật lý, số hóa và sinh học. Một số vấn đề cốt lõi của cuộc cách mạng này là về trí tuệ nhân tạo, Internet kết nối vạn vật, người máy và robot, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu Nano... Tất cả những yếu tố đó đặt con người trước cuộc “cạnh tranh” việc làm và chinh phục trí tuệ nhân tạo, robot, đòi hỏi lao động phải có kỹ năng cao, tri thức cao. Để có thể thích ứng với các tác động từ cuộc CMCN 4.0 mang lại, việc nghiên cứu và tìm ra giải pháp nhằm rèn luyện và nâng cao những kỹ năng (KN) cần thiết cho sinh viên (SV) hiện nay nhằm đáp ứng yêu cầu của cuộc CMCN 4.0 là việc làm cần thiết, có ý nghĩa thực tiễn.

CMCN 4.0 đưa đến những hệ thống sản xuất với các máy móc, thiết bị thông minh, dây chuyền sản xuất thông minh, hệ thống quản trị thông minh; tạo ra nền công nghiệp thông minh, nền nông nghiệp thông minh, dịch vụ thông minh, hệ thống kết cấu hạ tầng điện, giao thông, cấp, thoát nước thông minh, các phương tiện vận tải thông minh, hệ thống thương mại, dịch vụ thông minh, tiêu dùng thông minh. Nền kinh tế thật sự là nền kinh tế tri thức - thông minh. Tri thức, thành tựu khoa học - công nghệ, các ý tưởng đổi mới, sáng tạo trở thành động lực chính cho sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.

Hiện nay, không chỉ ở Việt Nam mà nhiều nước trong khu vực và trên thế giới đang đối mặt với những thách thức lớn về sự thiếu hụt lao động có trình độ cao và KN chuyên nghiệp để đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực cho cuộc CMCN 4.0. Trước sự phát

triển của robot, máy móc tự động hóa, lực lượng lao động ngày càng phải trở nên chất lượng hơn để đáp ứng nhu cầu thực tế. Tại các trường đại học, việc nâng cao chất lượng giáo dục đạt chuẩn 4.0, trong đó có việc nâng cao các KN mềm cho người học cũng là yêu cầu cấp thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm kỹ năng mềm

Thuật ngữ Kỹ năng mềm (KNM) được nhiều học giả định nghĩa theo nhiều góc độ trong những bối cảnh khác nhau. Trong thế kỉ XXI, KNM còn được biết đến với nhiều tên gọi khác nhau như KN cốt lõi, KN sống, KN làm việc, KN nghề nghiệp, xã hội và khả năng tư duy, được xem là một yếu tố khác biệt quan trọng để đạt được thành công trong cuộc sống.

Trong thực tiễn giáo dục, các nhà nghiên cứu đã khám phá ra rằng, các KN mềm đã bổ sung cho KN cứng hoặc KN chuyên môn, kỹ thuật. Tại Hội nghị Đào tạo KNM Conarc năm 1972, thuật ngữ KNM lần đầu tiên được đề cập trong các lĩnh vực chỉ huy, giám sát, tư vấn và quản lí, cho rằng, KNM là những KN quan trọng liên quan đến công việc có ít hoặc không có sự tương tác với máy móc. Theo Từ điển Oxford, KNM là những phẩm chất cá nhân cho phép một người hợp tác hiệu quả và hài hòa với những người khác. Một định nghĩa khác về KNM được trình bày bởi Moss và Tilly (1996) coi KNM là những khả năng liên quan đến tính cách và hành vi nằm ngoài kiến thức kỹ thuật.

KNM là một khái niệm toàn diện đo lường khả năng và năng lực của các cá nhân và thành tích của một tổ chức. Bộ Giáo dục Đại học Malaysia đưa ra 7 KNM cơ bản, đó là: KN giao tiếp, Tư duy phân biện và giải quyết vấn đề, Tinh thần kinh doanh, Đạo đức,

Lãnh đạo, KN học tập và quản lý thông tin, KN làm việc nhóm. Từ các quan niệm trên có thể thấy, các KN tạo điều kiện thuận lợi cho việc đưa SV tốt nghiệp trở thành những cá nhân có năng lực xã hội, thành công trong công việc, làm nổi bật tinh thần đồng đội như một KN cần thiết để đạt được hiệu suất lí tưởng trong các lĩnh vực nghề nghiệp.

Ngoài ra, các KNM có được giúp cải thiện KN giao tiếp, sự tự tin, tính linh hoạt, khả năng ra quyết định và đóng góp cho xã hội. Hơn nữa, các nhà nghiên cứu khác đã phát hiện ra rằng, các KNM giúp tăng cường sự phát triển cá nhân theo hướng tích cực và mang tính xây dựng, có ảnh hưởng đến lòng tự trọng và sức khỏe tinh thần ở SV.

2.2. Một số yêu cầu đối với việc học tập và rèn luyện SV trong Cuộc CMCN 4.0

Một là, nhận thức sâu sắc về tác động, ảnh hưởng to lớn của cuộc CMCN 4.0. Cuộc cách mạng này sẽ tạo ra động lực mới để thúc đẩy mạnh mẽ nền kinh tế nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ chuyển sang nền kinh tế tri thức, sang xã hội “thông minh”. Sự giao thoa và hội tụ các lĩnh vực công nghệ cao sẽ xóa mờ dần ranh giới giữa các khâu/công đoạn, quy trình sản xuất, đặc biệt là các khâu thiết kế, gia công, lắp ráp và chế tạo ra sản phẩm, từ đó sản xuất sẽ đạt trình độ rất cao, tối ưu hóa cao, làm cho lợi ích kinh tế ngày càng trở nên rõ ràng.

Hai là, phải có khả năng ngoại ngữ tốt - mở rộng cơ hội nghề nghiệp cho SV: trau dồi vốn ngoại ngữ là yêu cầu mang tính cần thiết. Khả năng sử dụng ngoại ngữ sẽ tạo cơ hội cho chúng ta tiếp cận với các tin tức, sách báo, tài liệu nước ngoài, giao tiếp được với bạn bè quốc tế nhằm giao lưu, học hỏi văn hóa của các miền đất trên thế giới và tiếp thu tri thức nhân loại. Giữa xu thế “đa quốc gia hóa” của các công ty, biết ít nhất một ngoại ngữ sẽ giúp bạn nổi bật, dễ dàng nhận được công việc phù hợp với khả năng, trình độ bản thân, việc tìm kiếm các thông tin tuyển dụng sẽ mở rộng nhiều vị trí hấp dẫn.

Ba là, KNM thành thạo - lợi thế hòa nhập với môi trường làm việc: KNM là thuật ngữ dùng để chỉ các KN quan trọng trong cuộc sống con người, thường không liên quan đến kiến thức chuyên môn. Nhưng, KNM lại quyết định bạn là ai, làm việc thế nào, là thước đo hiệu quả cao trong công việc. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, KNM quyết định 75% thành công của con người còn KN cứng (hay kiến thức, trình độ chuyên môn) chỉ chiếm 25%. Chìa khóa dẫn đến thành công thực sự là SV phải biết kết hợp cả hai KN này. KNM bao gồm: KN giao tiếp, KN làm việc nhóm, KN thuyết trình, KN quản lý thời gian, KN lập kế hoạch...

Trong quá trình học tập SV cần khai thác và phát triển tối đa khả năng tiềm ẩn của mình. SV cần tích cực tham gia các chương trình ngoại khóa, các câu lạc bộ, các lớp học KN... là nơi giúp SV có thể rèn luyện các KNM.

Bốn là, kinh nghiệm làm việc thực tế - bí quyết gây ấn tượng với nhà tuyển dụng: doanh nghiệp thường yêu cầu tuyển dụng ứng viên có kinh nghiệm, chính vì vậy nhiều SV ra trường thường không đáp ứng được. Trái lại, nhiều SV mới ra trường nhưng đã có bản lý lịch đẹp với kinh nghiệm khá “dày”, họ nhanh chóng thích nghi với môi trường doanh nghiệp khi còn ở đại học. Theo đó, kỳ thực tập là một lợi thế rất lớn giúp sinh viên vượt qua các kỳ tuyển dụng gắt gao cũng như không bị ngỡ ngàng khi bắt tay vào việc. Bởi kỳ thực tập là thời điểm tốt nhất để SV có thể học hỏi kinh nghiệm trong lĩnh vực mà mình quan tâm. Về cơ bản, quá trình thực tập cũng gần giống như quá trình đào tạo cho một nhân viên mới trong công ty.

2.3. Giải pháp nâng cao kỹ năng mềm cho SV Trường Đại học Hải Dương

Nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên là một yếu tố thiết yếu trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường lao động hiện nay. Trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu, kỹ năng mềm không chỉ giúp sinh viên cải thiện hiệu quả học tập mà còn là chìa khóa để mở ra nhiều cơ hội nghề nghiệp và khẳng định bản thân trong môi trường làm việc chuyên nghiệp. Để đạt được mục tiêu này, các trường đại học cần xây dựng chiến lược toàn diện và áp dụng nhiều giải pháp thực tiễn nhằm trang bị và rèn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên một cách hiệu quả.

Trường đã thiết kế và tổ chức các khóa học chuyên biệt về kỹ năng mềm. Những khóa học này cần được xây dựng với nội dung đa dạng và thực tế, tập trung vào các kỹ năng quan trọng như giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý thời gian, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, và lãnh đạo. Thay vì chỉ dừng lại ở lý thuyết, các khóa học cần kết hợp chặt chẽ với thực hành thông qua các bài tập tình huống, mô phỏng thực tế hoặc các dự án ngắn hạn. Điều này không chỉ giúp sinh viên hiểu sâu sắc về lý thuyết mà còn tạo cơ hội để họ áp dụng ngay vào các tình huống cụ thể, qua đó nâng cao sự tự tin và khả năng xử lý vấn đề.

Bên cạnh đó, các hoạt động ngoại khóa là một môi trường lý tưởng để sinh viên rèn luyện kỹ năng mềm một cách tự nhiên. Các câu lạc bộ sinh viên, các dự án cộng đồng, hoặc các chương trình thiện nguyện không chỉ giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm mà còn rèn luyện khả năng lãnh đạo và

xây dựng mối quan hệ. Tham gia vào các hoạt động này còn giúp sinh viên học cách tổ chức, quản lý thời gian và giải quyết những khó khăn thực tế trong quá trình làm việc. Đặc biệt, những kinh nghiệm này sẽ trở thành những điểm sáng trong hồ sơ xin việc, giúp sinh viên tự tin hơn khi bước vào môi trường chuyên nghiệp.

Ngoài ra, việc tổ chức các buổi thực hành mô phỏng như phỏng vấn xin việc, thuyết trình trước đám đông, hoặc giải quyết xung đột trong nhóm sẽ là những cơ hội quan trọng để sinh viên trải nghiệm và cải thiện các kỹ năng của mình. Những buổi mô phỏng này có thể được thực hiện với sự hỗ trợ của các giảng viên, chuyên gia, hoặc cựu sinh viên để đảm bảo tính thực tiễn và chất lượng. Không những vậy, việc hợp tác với các doanh nghiệp để tạo cơ hội thực tập cũng là một cách hiệu quả để sinh viên trải nghiệm môi trường làm việc thực tế, từ đó nhận ra những điểm mạnh và điểm yếu cần cải thiện.

Một giải pháp quan trọng khác là xây dựng các chương trình mentoring (hướng dẫn) với sự tham gia của các cựu sinh viên thành đạt hoặc các chuyên gia trong lĩnh vực cụ thể. Thông qua việc chia sẻ kinh nghiệm, định hướng nghề nghiệp và hỗ trợ giải quyết khó khăn, những người hướng dẫn này có thể giúp sinh viên không chỉ học hỏi thêm kiến thức mà còn hiểu rõ cách áp dụng kỹ năng mềm vào thực tiễn công việc. Đây cũng là cách để sinh viên mở rộng mạng lưới quan hệ, một yếu tố rất quan trọng trong việc phát triển sự nghiệp sau này.

Song song với các giải pháp trên, việc khuyến khích sinh viên tự học và phát triển bản thân cũng đóng vai trò quan trọng. Các trường đại học có thể cung cấp tài liệu học tập, giới thiệu các khóa học trực tuyến miễn phí hoặc có phí trên các nền tảng như Coursera, Udemy, hay LinkedIn Learning. Sinh viên cũng nên được khuyến khích tham gia các buổi hội thảo, workshop, hoặc đọc sách về kỹ năng mềm để tự mình trau dồi và nâng cao năng lực. Bên cạnh đó, việc tích hợp các kỹ năng mềm vào chương trình học chính khóa thông qua các bài tập nhóm, dự án thực tế, hoặc các bài thuyết trình cũng sẽ giúp SV luyện tập thường xuyên và hiệu quả hơn.

Công nghệ cũng là một công cụ hỗ trợ đắc lực trong việc phát triển kỹ năng mềm. Sinh viên có thể sử dụng các ứng dụng và nền tảng trực tuyến để luyện tập các kỹ năng cụ thể, chẳng hạn như Toastmasters để nâng cao kỹ năng thuyết trình, Trello để học cách quản lý dự án, hoặc các phần mềm mô phỏng khác để rèn luyện khả năng ra quyết định. Điều này không chỉ giúp SV học hỏi một cách linh hoạt mà còn phù hợp

với xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay.

Cuối cùng, việc đánh giá và phản hồi kỹ năng mềm của SV một cách thường xuyên là vô cùng cần thiết. Các trường có thể xây dựng bộ tiêu chí đánh giá cụ thể, kết hợp với các bài kiểm tra hoặc tình huống thực tế để đo lường hiệu quả. Phản hồi từ GV hoặc bạn học sẽ giúp SV nhận ra điểm mạnh và điểm cần cải thiện, từ đó có kế hoạch rèn luyện phù hợp hơn.

3. Kết luận

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 phát triển đã đem lại cho giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng ở Việt Nam những thách thức mới, đòi hỏi những nỗ lực hết mình để theo kịp thời đại và để có thể cùng tham gia vào nền kinh tế tri thức. SV trong thời đại 4.0 cần được hỗ trợ phát triển và thể hiện được các kỹ năng như: kỹ năng hợp tác, lắng nghe; kỹ năng giải quyết các vấn đề, kỹ năng sáng tạo trong tổ chức hoạt động, kỹ năng phản biện, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học... Việc ác định các kỹ năng thế mạnh hay những kỹ năng còn hạn chế của SV sẽ giúp GV có những định hướng phát triển kỹ năng cho SV.

Việc nâng cao KNM cho SV đòi hỏi một chiến lược toàn diện và sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, doanh nghiệp, và bản thân SV. Khi các kỹ năng mềm được phát triển một cách bài bản, sinh viên không chỉ sẵn sàng đối mặt với những thách thức trong công việc mà còn có thể vươn xa hơn trên con đường phát triển sự nghiệp và xây dựng cuộc sống thành công.

Tài liệu tham khảo

- [1] Tran, T. T. (2013), *Limitation on the development of skills in higher education in Vietnam*, *Higher Education*, 65(5), p.631-644.
- [2] Lê, T. H. T., Võ, M. H., Lê, T. L. A., & Lê, V. Q. (2018), Định hướng Mô hình giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu (BVU).
- [3] Lê, T. H. T., & Lê, T. L. A. (2018), *Nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng mềm tại các trường đại học, cao đẳng trong thời kỳ Cách mạng công nghệ 4.0*.
- [4] Hoang, T. T., Lai, L. D., Nguyen, D. M., & Nguyen, T. T. (2021), *The actual situation of students' soft skills at some member universities of Vietnam National University Ho Chi Minh City*, *Science & Technology Development Journal-Social Sciences & Humanities*, 5(2), 1035-1043.
- [5] Lại, V. K. T. (2018), *Tích hợp rèn luyện kỹ năng mềm trong môn Tâm lý học đại cương cho sinh viên đại học năm thứ nhất*.
- [6] Thi, Q. P. (2020), *Giải pháp nâng cao hiệu quả rèn kỹ năng mềm cho sinh viên các trường đại học*, *scientific journal of Tan Trao University*, 6(15), 49-54.